

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 06-12-2023

V/v “Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán:

Ông Lê Viết Phong

Ông Bùi Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 20/2023/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 34/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXPT-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp D, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1968; Địa chỉ cư trú: Tổ E, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp D, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi ngày 14/4/2022 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Minh T thống nhất trình bày:

- *Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung:* Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn L đã được Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay thị xã C), tỉnh Bình Phước công nhận sự thuận tình ly hôn theo Quyết định số: 267/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2020. Về con chung: Giao con chung Trần Lâm Bảo N, sinh ngày 13/11/2015 cho ông Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Do cháu N thường xuyên xuất hiện ốm đau, cơ thể suy nhược, gây guộc hơn nhiều so với những đứa trẻ cùng lứa tuổi. Bản thân cháu N là giới tính nữ, cha bận công việc mưu sinh vất vả hằng ngày, không có thời gian gần gũi, quan tâm, chăm sóc, giáo dục con. Mặt khác vào những ngày cuối tuần, cháu N không đi học, bà H đến đón cháu về để chăm sóc, chở cháu đi chơi, giải trí, bồi dưỡng thêm về dinh dưỡng cho cháu lại bị ông L ngăn cản, cấm không cho mẹ con bà H gặp nhau và chở nhau đi đâu. Với điều kiện thời gian, không gian và hoàn cảnh sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu. Trong khi, bà H hiện nay có cuộc sống độc lập, thu nhập ổn định từ việc kinh tự do, thu hoạch mủ cao su, đặc biệt bà H còn độc thân nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cái hiển nhiên sẽ tốt hơn nhiều lần so với ông L. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con trong Quyết định số 267/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2020 của TAND huyện Chơn Thành theo hướng: Buộc ông Trần Văn L giao lại con chung Trần Lâm Bảo N, sinh ngày 13/11/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Đối với thửa đất số 170, tờ bản đồ số 15, diện tích 5257,4m². Đất tọa lạc tại ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 376604, số ngày vào sổ CS 00096 ngày 15/4/2016 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H, đây là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị chia đôi và bà H xin nhận tài sản hoàn trả giá trị thành tiền cho ông L.

Đối với 2.310 cây tràm bông vàng trồng năm 2017; 01 xe máy Airblade theo biên bản định giá tài sản thì hai bên thống nhất giá trị 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bà H đồng ý nhận tài sản và hoàn lại cho ông L trị giá 1/2 lợi tức và tài sản tương ứng: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung cháu N mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Theo đơn phản tố ngày 06/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn L trình bày:

- Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung: Bà H yêu cầu giao con chung Trần Lâm Bảo N, sinh ngày 13/11/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng thì ông L đồng ý và ông L không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà H yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ thửa đất thửa đất số 170, tờ bản đồ số 15, diện tích 5257,4m² tọa lạc tại ấp D, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Tài sản này là ông L bỏ tiền ra mua với giá 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và được hình thành trong thời gian hôn nhân. Trước yêu cầu phân chia tài sản chung của bà H thì ông L cũng đồng ý phân chia mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tài sản chung nhưng ông L không đồng ý nhận giá trị thành tiền và ông L cũng không nhận toàn bộ tài sản để giao giá trị tiền cho bà H mà ông L nhận $\frac{1}{2}$ tài sản bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Đối với yêu cầu phân chia 2.310 cây tràm bông vàng trồng năm 2017 và 01 chiếc xe máy Airblade thì ông L đồng ý giao tài sản cho bà H quản lý sử dụng và bà H giao cho ông L số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Ông Trần Văn L rút yêu cầu phản tố buộc bà Nguyễn Thị H chia phân chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung sau ly hôn là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) đối với phần tài sản 01 thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6, diện tích 6473m² đất tọa lạc tại ấp G, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Phần đất này ông L bà H góp $\frac{1}{2}$ cùng bà S để nhận chuyển nhượng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 34/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, theo Quyết định số 267/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2020 về việc công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước về giao cháu Trần Lâm Bảo N, sinh ngày 13/11/2015 cho ông Trần Văn L nuôi dưỡng nay thay đổi bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lâm Bảo N. Ông Trần Văn L không cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về phân chia tài sản chung sau ly hôn:

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý sở hữu và sử dụng 2310 cây tràm trồng năm 2017, 01 xe mô tô Airblade biển kiểm soát 93B1-22516.

Giao cho bà Trần Thị H1 được quản lý sở hữu, sử dụng: Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 15 diện tích 5257,4m², đất tọa lạc tại ấp D, xã N, huyện C (nay thị xã C), tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp LINK "9" \o "Giấy" Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 376604, số ngày vào sổ CS 00096 ngày 15/4/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H. Trên đất có 01 căn nhà cất 4 diện tích ngang 8,1m x dài 11m, kết cấu tường

xây tô sơn nước, nền gạch men, mái lợp tôn, cửa sắt, 01 giếng khoang có bồn nước và 301 cây cao su 05 năm tuổi.

4. Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung sau khi ly hôn cho ông Trần Văn L số tiền là 1.439.350.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên bản định giá ngày 05/4/2023.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về cấp dưỡng nuôi con chung.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn L về chia phân chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung sau ly hôn là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) đối với phần tài sản 01 thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6, diện tích 6473m² tọa lạc tại ấp G, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí tố tụng khác; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Bản án sơ thẩm bị kháng cáo như sau:

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Trần Văn L kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về phân chia tài sản. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng:

- Chia tài sản chung là thửa đất số 170, tờ bản đồ số 15, diện tích đất 5257,4m², đất tọa lạc tại ấp D, xã N, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Đất đã được cấp "Giấy" Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 376604, số ngày vào sổ CS 00096 ngày 15/4/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị H theo hướng ông L nhận $\frac{1}{2}$ giá trị bằng hiện vật.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm:

- Ngày 21/11/2023 các đương sự thống nhất thỏa thuận về việc phân chia tài sản, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H rút yêu cầu khởi kiện về phần phân chia tài chung của vợ chồng, bị đơn ông Trần Văn L rút yêu cầu phản tố và rút yêu cầu kháng cáo Bản án sơ thẩm về phân chia tài sản. Các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện về phần phân chia tài chung của vợ chồng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và chấp nhận bị đơn ông Trần Văn L rút yêu cầu phản tố cũng như yêu cầu

kháng cáo Bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng và đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung đơn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Trần Văn L đề ngày 21/11/2023, ý kiến của Viện kiểm sát Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn L làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn L có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 21/11/2023 các bên đương sự có văn bản thống nhất thỏa thuận với nhau việc phân chia tài sản chung. Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn L thống nhất rút yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu phản tố về phần phân chia tài sản chung của vợ chồng, ông L rút yêu cầu kháng cáo đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 34/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Xét thấy các đương sự đều thống nhất rút yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu phản tố, ông L rút kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và hủy một phần bản án sơ thẩm số 34/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và đình chỉ giải quyết vụ án về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Trần Văn L .

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có có giá ngạch về thay đổi người nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu là 55.180.500 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án theo biên lai số: 0011871 ngày 24/6/2022 tại Chi RLINK "19" \o "Cục" cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, bà Nguyễn Thị H còn phải nộp số tiền 43.180.500 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Ông Trần Văn L phải là 55.180.500 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án theo biên lai số 0011922 ngày 06/9/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, ông Trần Văn L còn phải nộp số tiền

49.030.500 đồng (Bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

- *Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm*: Ông Trần Văn L phải nộp 150.000 đồng theo quy định.

- *Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá*: Ông Trần Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ Điều 299, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu rút đơn khởi kiện về phần phân chia tài sản chung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn L.

Hủy một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 34/2023/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

2/ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, theo Quyết định số 267/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/11/2020 về việc công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành (nay là thị xã C), tỉnh Bình Phước về giao cháu Trần Lâm Bảo N, sinh ngày 13/11/2015 cho ông Trần Văn L nuôi dưỡng thay đổi bà Nguyễn Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lâm Bảo N. Ông Trần Văn L không cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về phân chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn: Đình chỉ giải quyết vụ án về phần này.

[2]. Về án phí, chi phí tố tụng:

- *Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có có giá ngạch về thay đổi người nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu là 55.180.500 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án theo biên lai số: 0011871 ngày 24/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, bà Nguyễn Thị H

còn phải nộp số tiền 43.180.500 đồng (Bốn mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng).

Ông Trần Văn L phải là 55.180.500 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án theo "26" \o "Biên"Biên lai số 0011922 ngày 06/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, ông Trần Văn L còn phải nộp số tiền 49.030.500 đồng (Bốn mươi chín triệu không trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

- *Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm*: Ông Trần Văn L phải nộp 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án theo biên lai số: 0012450 ngày 19/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành hoàn trả lại cho ông L số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền trên.

- *Về chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá*: Ông Trần Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 4.320.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Các quyết định khác của **án**"Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký**

Nguyễn Viết Hùng